



Số: 185 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 13/06/2025

Trang: 1/1

1. Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Bể chứa NMN Phú Hòa
2. Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
3. Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
4. Ký hiệu mẫu : 19B08/25
5. Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/06/2025
6. Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
7. Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,20
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,24
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,35
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	68,70
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	7,50
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	48
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	1,45
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,00
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	0,01
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,51
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Tấn Chuẩn

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận

LOQ: Giới hạn định lượng, KPII : Không phát hiện

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 186 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày : 13/06/2025
Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Nhà làm việc NMN Phú Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 20M₁08/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/06/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,31
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	0,36
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,85
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	70,22
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	KPH (LOQ = 0,005)
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	8,15
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	52
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	1,55
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,05
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	KPH (LOQ = 0,027)
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	< LOQ = 0,55
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	0,02
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,39
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Tấn Xuân

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

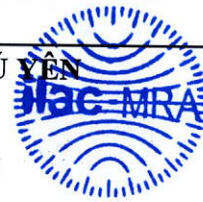
BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT
05 Hải Dương, TP Tuy Hoà, Phú Yên.
Tel 0257-3823000 Fax 0257-3828388



Số: 187 - 2025/KQ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 13/06/2025

Trang: 1/1

- Nơi gửi mẫu/ lấy mẫu : Cuối tuyến Khu phố Định Thọ 1, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Phú Hòa
- Loại mẫu : Nước sau khi xử lý
- Mô tả mẫu : Mẫu hóa lý được đựng trong chai nhựa, mẫu vi sinh được đựng trong chai thủy tinh
- Ký hiệu mẫu : 21M₂08/25
- Ngày nhận mẫu/lấy mẫu : 02/06/2025
- Thời gian thử nghiệm : Từ ngày 02/06/2025 đến ngày 11/06/2025
- Kết quả thử nghiệm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	QCDP 01:2023/PY	Kết quả
1	Mùi, vị	-	SMEWW 2150:2023 SMEWW 2160:2023	Không có mùi, không vị lạ	Không có mùi, không vị lạ
2	pH (*)	-	TCVN 6492:2011	6 - 8,5	7,26
3	Độ đục (*)	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	1,06
4	Hàm lượng Sắt tổng (*)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,3	KPH (LOQ = 0,035)
5	Hàm lượng Clorua (*)	mg/l	TCVN 6194:1996	250	17,68
6	Độ cứng tổng (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	300	70,47
7	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	TCVN 6178:1996	0,05	< LOQ = 0,005
8	Màu sắc (*)	mg/l Pt	TCVN 6185C:2015	15	10,70
9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	SMEWW 2540C:2023	1000	59
10	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	TCVN 6180:1996	2	1,20
11	Hàm lượng Sunfat (*)	mg/l	EPA 375.4	250	6,20
12	Hàm lượng Mangan (*)	mg/l	TCVN 6002:1995	0,1	< LOQ = 0,027
13	Chỉ số Permanganat (*)	mg/l	TCVN 6186:1996	2	0,81
14	Hàm lượng Amoni (*)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	0,03
15	Clo tự do (*)	mg/l	TCVN 6225-2:2021	0,2 - 1,0	0,45
16	Coliform (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 3	KPH
17	E.Coli (*)	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019	< 1	KPH

PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC

P. PHÒNG KẾ HOẠCH - KỸ THUẬT

BỘ PHẬN KIỂM NGHIỆM



Võ Bá Duy Huân

Trần Quang Vinh

Ghi chú: Nguyễn Tấn Tuấn

- (*) Các chỉ tiêu được VILAS công nhận
- LOQ: Giới hạn định lượng, KPH : Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử

BM.KHKT.02.02

Ban hành lần 06

Ngày ban hành: 15/07/2024